

Hà Nội, ngày *13* tháng *3* năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch và Dự toán Nghiên cứu xây dựng Báo cáo Tổng kết Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; định hướng xây dựng Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045**

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC**

Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 và Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 85/QĐ-BKHĐT ngày 26/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổ trưởng Tổ Biên tập của Tiểu ban Kinh tế - Xã hội chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-UBNDT ngày 23/01/2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc giao thực hiện nhiệm vụ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc năm 2019;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch và Dự toán Nghiên cứu xây dựng Báo cáo Tổng kết Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; định hướng xây dựng Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 để phục vụ Tiểu ban Kinh tế - Xã hội chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (Kế hoạch và Dự toán chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Vụ, đơn vị liên quan tổ chức triển khai các hoạt động trong Kế hoạch được phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban Dân tộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BT, CN UBNDT (để b/c);
- Các TT, PCN UBNDT;
- Công TTĐT UBNDT;
- Lưu: VT, Vụ KHTC (5).

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**  
**THỦ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Lê Sơn Hải**



## **KẾ HOẠCH**

### **Nghiên cứu xây dựng Báo cáo Tổng kết Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; định hướng xây dựng Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Kèm theo Quyết định số: 122/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

1.1. Nhằm Tổng kết tình hình, kết quả triển khai Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 (CLCTDT) và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 (CTHĐ) được ban hành tại Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013, Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Tập trung đánh giá mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong CLCTDT và CTHĐ: Những mục tiêu đã hoàn thành, chưa hoàn thành, những thuận lợi, khó khăn của Bộ, ngành, địa phương trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của CLCTDT và CTHĐ.

1.2. Xây dựng Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, gồm các nội dung chính: Dự báo tình hình vùng dân tộc thiểu số đến năm 2030, từ đó xây dựng Quan điểm, định hướng trong CLCTDT 10 năm 2021-2030; xác định các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tổ chức thực hiện CLCTDT giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045.

### **2. Yêu cầu**

2.1. Việc nghiên cứu đánh giá tổng kết CLCTDT phải đảm bảo toàn diện, khách quan kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, đề ra trong CLCTDT và CTHĐ; những tồn tại, hạn chế và trong triển khai CLCTDT và rút ra bài học kinh nghiệm

2.2. Dự báo tình hình vùng dân tộc thiểu số và miền núi thời gian tới, từ đó định hướng quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu xây dựng CLCTDT giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045;

2. Kế hoạch này là căn cứ để thành viên trong Tổ nghiên cứu xây dựng Báo cáo Tổng kết CLCTDT và các Vụ, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban Dân tộc xác định các hoạt động của thành viên, của Vụ, đơn vị để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thể đảm bảo tiến độ và chất lượng.

## II. CÁC HOẠT ĐỘNG

### 1. Tổ chức 04 cuộc hội thảo xây dựng báo cáo:

Thành phần gồm đại diện các Bộ, ngành, địa phương; thành viên Tổ nghiên cứu; các chuyên gia, nhà nghiên cứu; các Vụ, đơn vị có liên quan thuộc UBĐT, cụ thể:

1.1. Hội thảo thống nhất đề cương Báo cáo Tổng kết CLCTDT và phân công nhiệm vụ cho thành viên Tổ Nghiên cứu xây dựng Báo cáo Tổng kết và nhiệm vụ của chuyên gia:

- Số lượng: 80 người
- Địa điểm: Thành phố Hà Nội
- Thời gian: 1/2 ngày (dự kiến tuần đầu tháng 5/2019)

1.2. Hội thảo góp ý vào Dự thảo Chiến lược công tác dân tộc 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045: 03 cuộc hội thảo

a) Hội thảo khu vực các tỉnh phía Bắc (từ Thừa Thiên Huế trở ra) tại Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

- Số lượng: 100 người
- Địa điểm: Tại thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Thời gian: Một ngày (dự kiến trung tuần tháng 5/2019)

b) Hội thảo khu vực các tỉnh Nam Trung Bộ - Tây Nguyên tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

- Số lượng: 100 người
- Địa điểm: Tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Thời gian: Một ngày (dự kiến tuần đầu tháng 6/2019)

c) Hội thảo khu vực các tỉnh phía Nam tại thành phố Hồ Chí Minh

- Số lượng: 100 người
- Địa điểm: Tại thành phố Hồ Chí Minh
- Thời gian: Một ngày (dự kiến tuần thứ 3 tháng 6/2019)

### 2. Tổ chức 04 Hội thảo kỹ thuật:

- Kiểm tra, đánh giá, đôn đốc tiến độ, nội dung công việc triển khai; nghiệm thu các chuyên đề thành phần; báo cáo kết quả trước Lãnh đạo ủy ban về kết quả triển khai nhiệm vụ.

- Số lượng 20 người/cuộc.
- Thành phần: Thành viên Tổ nghiên cứu, chuyên gia, các Vụ, đơn vị thuộc UBĐT
- Địa điểm: Tại Ủy ban Dân tộc

### **3. Viết chuyên đề phục vụ tổng hợp Báo cáo Tổng kết CLCTDT đến năm 2020 và xây dựng CLCTDT giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2045:**

Gồm 5 chuyên đề (Giao cho thành viên Tổ Nghiên cứu xây dựng báo cáo và các Vụ, đơn vị thuộc UBĐT)

#### **3.1. Chuyên đề 1:**

Tổng kết Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020

- Công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt trong hệ thống chính trị và nhân dân để triển khai CLCTDT.

- Công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành, cơ quan ở Trung ương trong triển khai CLCTDT.

- Công tác chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân tỉnh, Ủy ban Nhân dân tỉnh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để triển khai CLCTDT.

- Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược công tác dân tộc (biểu so sánh kết quả đạt được so với mục tiêu đề ra).

- Đánh giá kết quả xây dựng và tổ chức triển khai các đề án chương trình, chính sách thực hiện CLCTDT

- Kết quả xây dựng, thực hiện các đề án chương trình, chính sách dân tộc giao các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương theo Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Kết quả xây dựng, thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc do địa phương ban hành thực hiện Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Những thuận lợi, khó khăn, bài học kinh nghiệm trong triển khai thực hiện.

#### **3.2. Chuyên đề 2:**

Đánh giá thực trạng địa bàn vùng DTTS và công tác dân tộc 2011 - 2020

- Thành tựu công tác dân tộc giai đoạn 2011 - 2020

- Về Phát triển kinh tế

- Về văn hoá - xã hội

- Về xây dựng hệ thống chính trị

- Về an ninh quốc phòng

- Về ban hành và thực hiện chính sách dân tộc

#### **3.3. Chuyên đề 3:**

Phân tích những khó khăn, hạn chế cùng DTTS và nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế

- Chất lượng nguồn nhân lực

- Kết cấu hạ tầng

- Hạn chế về phát huy, bảo tồn văn hoá các dân tộc thiểu số
- Hạn chế về xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở
- Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế

#### 3.4. Chuyên đề 4:

Xác định quan điểm, định hướng cho Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế tác động đến vùng DTT
- + Bối cảnh trong nước
- + Bối cảnh khu vực và thế giới
- Quan điểm, định hướng CLCTDT giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045
- + Về phát triển kinh - tế xã hội
- + Về phát triển nguồn nhân lực
- + Về ban hành và thực hiện chính sách dân tộc
- + Quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc

#### 3.5. Chuyên đề 5:

Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045

- Xác định mục tiêu của CLCTDT giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045
- + Mục tiêu tổng quát
- + Mục tiêu cụ thể, bao gồm: Nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực; công tác cán bộ vùng DTTS; công tác giảm nghèo vùng DTTS; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng vùng DTTS; bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá vùng DTTS; củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở và an ninh quốc phòng; đảm bảo môi trường sống, môi trường sản xuất.
- Nhiệm vụ chủ yếu trong CLCTDT giai đoạn 2021-2030
- + Phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
- + Xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số
- + Phát triển sản xuất; thực hiện hiệu quả việc giảm nghèo nhanh, bền vững
- + Tập trung lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các vùng trọng điểm và phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế
- + Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội
- + Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị, củng cố an ninh vùng DTTS
- + Ưu tiên đầu tư phát triển địa bàn đặc biệt khó khăn

- + Đảm bảo môi trường sống, môi trường sản xuất kinh doanh vùng dân tộc thiểu số
- + Tạo động lực kích thích khởi nghiệp vùng DTTS
- Giải pháp tổ chức thực hiện
- + Nâng cao nhận thức về công tác dân tộc
- + Đảm bảo nguồn lực thực hiện chiến lược
- + Đổi mới việc ban hành và thực hiện chính sách dân tộc
- + Kiện toàn, nâng cao hiệu quả cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc

#### 5.5. Sớm ban hành Chương trình hành động thực hiện CLCTDT

#### 4. Nhiệm vụ của chuyên gia:

Mời chuyên gia có kinh nghiệm trong quản lý lĩnh vực công tác dân tộc để đánh giá độc lập các chuyên đề trên (có so sánh kinh nghiệm với các nước trong khu vực và trên thế giới).

### III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện (dự kiến): 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng chẵn) từ nguồn kinh phí bổ sung cho các Bộ, ngành trực tiếp xây dựng báo cáo thành phần phục vụ Tiểu ban Kinh tế - Xã hội chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (*Chi tiết theo phụ biểu kèm theo*).

### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính là đơn vị đầu mối tham mưu cho Lãnh đạo Ủy ban, chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan, các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban thực xây dựng Kế hoạch tổ chức Tổng kết CLCTDT; hàng quý báo cáo Lãnh đạo Ủy ban về tình hình triển khai thực hiện.

2. Thành viên Tổ nghiên cứu xây dựng báo cáo, các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban và chuyên gia căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch này.

3. Văn phòng Ủy ban phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ động bố trí kinh phí được giao bổ sung để thực hiện Kế hoạch này./.



## DỰ TOÁN KINH PHÍ

**Nghiên cứu xây dựng Báo cáo Tổng kết Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020, định hướng xây dựng chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045**

(Kèm theo Quyết định số: 122/QĐ-UBDT ngày 12 tháng 3 năm 2019  
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Xây dựng đề cương nghiên cứu</b>				<b>10.217</b>	
	Tc = Lcs x Hstcn x Snc	ngày công	15	681	10.217	TTLT55/2015/TTLT-BTC-BKHCN
	TVC 0,49x 1390 =681					
<b>2</b>	<b>Hội thảo thống nhất đề cương báo cáo và phân công nhiệm vụ (01 buổi), dự kiến: 80 đại biểu; tại TP Hà Nội</b>				<b>50.740</b>	
-	<b>Hội thảo</b>					
+	Chủ trì Hội thảo: 1 người x 1 buổi	người/buổi	1	1.500	1.500	
+	Thư ký Hội thảo: 1 người x 1 buổi	người/buổi	1	500	500	
+	Đại biểu dự Hội thảo: dự kiến 80 đại biểu	người/buổi	80	200	16.000	
+	Báo cáo trình bày tại Hội thảo	báo cáo	4	2.000	8.000	
+	Maket, máy chiếu	cuộc	1	3.000	3.000	
+	Hội trường	ngày	1	15.000	15.000	
+	Hoa tươi	Lăng	1	1.000	1.000	
+	Nước uống: 82 người x 1 buổi	người/buổi	82	20	1.640	
+	Văn phòng phẩm, photo, đóng quyển tài liệu (tạm tính)	bộ	82	50	4.100	
<b>3</b>	<b>Hội thảo góp ý dự thảo báo cáo: dự kiến 100 ĐB/cuộc ; 3 cuộc, 2 buổi/cuộc</b>				<b>463.840</b>	TTLT55/2015/TTLT-BTC-BKHCN
<b>3,1</b>	<b>Tại TP Huế</b>				<b>152.780</b>	
-	<b>Hội thảo</b>					
+	Chủ trì Hội thảo: 1 người x 2 buổi	người/buổi	6	1.500	9.000	
+	Thư ký Hội thảo: 1 người x 2 buổi	người/buổi	2	500	1.000	
+	Đại biểu dự Hội thảo: 100 đại biểu/cuộc x 2 buổi	người/buổi	200	200	40.000	
+	Báo cáo trình bày tại Hội thảo: 6 báo cáo	báo cáo	6	2.000	12.000	
+	Maket, máy chiếu	cuộc	1	3.000	3.000	
+	Hội trường: 1 ngày	ngày	1	20.000	20.000	
+	Hoa tươi	Lăng	1	1.000	1.000	
+	Nước uống: 102 người x 2 buổi	người/buổi	204	20	4.080	
+	Văn phòng phẩm, photo, đóng quyển tài liệu (tạm tính)	bộ	102	50	5.100	
-	<b>Công tác phí</b>					
+	Vé máy bay khứ hồi HN- Huế	vé	5	6500	<b>32.500</b>	TT40/2017/T-T-BTC
+	Vé máy bay khứ hồi HN- Huế của lãnh đạo UBDT	vé	1	11000	11.000	
+	Taxi HN-NB và ngược lại	lượt	2	500	1.000	
+	Công tác phí của cán bộ Ủy ban Dân tộc: 6 người x 3 ngày	người/ngày	18	200	3.600	

+	Tiền ngủ của đoàn Ủy ban Dân tộc: 5 người x 2 đêm	người/đêm	10	450	4.500	
+	Tiền ngủ của Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc: 1 người x 2 đêm	người/đêm	2	1000	2.000	
+	Thuê xe đi từ sân bay về thành phố và ngược lại; đi lại tại thành phố để tổ chức hội thảo	cuộc	1	3000	3.000	
<b>3,2</b>	<b>Tại TP Nha Trang</b>				<b>152.780</b>	
-	<b>Hội thảo</b>					
+	Chủ trì Hội thảo: 1 người x 2 buổi	người/buổi	6	1.500	9.000	TTLT55/2015/TTLT-BTC-BKHCN
+	Thư ký Hội thảo: 1 người x 2 buổi	người/buổi	2	500	1.000	
+	Đại biểu dự Hội thảo: 100 đại biểu/cuộc x 2 buổi	người/buổi	200	200	40.000	
+	Báo cáo trình bày tại Hội thảo: 6 báo cáo	báo cáo	6	2.000	12.000	
+	Maket, máy chiếu	cuộc	1	3.000	3.000	
+	Hội trường: 1 ngày	ngày	1	20.000	20.000	
+	Hoa tươi	Lãng	1	1.000	1.000	
+	Nước uống: 102 người x 2 buổi	người/buổi	204	20	4.080	
+	Văn phòng phẩm, photo, đóng quyển tài liệu (tạm tính)	bộ	102	50	5.100	
-	<b>Công tác phí</b>					
+	Thuê xe đi từ sân bay về thành phố và ngược lại; đi lại tại thành phố để tổ chức hội thảo	cuộc	1	3000	3.000	TT40/2017/T-TBTC
+	Vé máy bay khứ hồi HN- Nha Trang	vé	5	6500	32.500	
+	Vé máy bay khứ hồi HN- Nha Trang của lãnh đạo UBND	vé	1	11000	11.000	
+	Taxi HN-NB và ngược lại	lượt	2	500	1.000	
+	Công tác phí của cán bộ Ủy ban Dân tộc: 6 người x 3 ngày	người/ngày	18	200	3.600	
+	Tiền ngủ : 5 người x 2 đêm	người/đêm	10	450	4.500	
+	Tiền ngủ của Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc: 1 người x 2 đêm	người/đêm	2	1000	2.000	
<b>3,3</b>	<b>Tại TP Hồ Chí Minh</b>				<b>158.280</b>	
-	<b>Hội thảo</b>					
+	Chủ trì Hội thảo: 1 người x 2 buổi	người/buổi	6	1.500	9.000	TTLT55/2015/TTLT-BTC-BKHCN
+	Thư ký Hội thảo: 1 người x 2 buổi	người/buổi	2	500	1.000	
+	Đại biểu dự Hội thảo: 100 đại biểu/cuộc x 2 buổi	người/buổi	200	200	40.000	
+	Báo cáo trình bày tại Hội thảo: 6 báo cáo	báo cáo	6	2.000	12.000	
+	Maket, máy chiếu	cuộc	1	3.000	3.000	
+	Hội trường: 1 ngày	ngày	1	20.000	20.000	
+	Hoa tươi	Lãng	1	1.000	1.000	
+	Nước uống: 102 người x 2 buổi	người/buổi	204	20	4.080	
+	Văn phòng phẩm, photo, đóng quyển tài liệu (tạm tính)	bộ	102	50	5.100	
-	<b>Công tác phí</b>					
+	Xăng xe của vụ địa phương (02 xe) đi từ sân bay về thành phố và ngược lại; đi lại tại thành phố để tổ chức hội thảo (tạm tính)	ngày	3	1000	3.000	
+	Vé máy bay khứ hồi HN- TSN	vé	5	7000	35.000	



+	Vé máy bay khứ hồi HN- CT của lãnh đạo UBND	vé	1	11000	11.000	TT40/2017/T T-BTC
+	Taxi HN-NB và ngược lại	lượt	2	500	1.000	
+	Công tác phí của cán bộ Ủy ban Dân tộc: 6 người + 2 người Vụ ĐP x 3 ngày	người/ngày	24	200	4.800	
+	Tiền ngủ : 7 người x 2 đêm	người/đêm	14	450	6.300	
+	Tiền ngủ của Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc: 1 người x 2 đêm	người/đêm	2	1000	2.000	
<b>4</b>	<b>Hội thảo góp ý hoàn thiện báo cáo (04 cuộc; 02 buổi/cuộc)</b>				<b>86.160</b>	TTLT55/201 5/TTLT-BTC- BKHCN
-	Chủ trì Hội thảo : 1 người x 2 buổi x 4 cuộc	người/buổi	8	1.500	12.000	
-	Thư ký Hội thảo: 1 người x 2 buổi x 4 cuộc	người/buổi	8	500	4.000	
	Báo cáo trình bày tại Hội thảo: 4 báo cáo x 4	báo cáo	16	2000	32.000	
-	Đại biểu dự Hội thảo: 20 người x 2 buổi x 4 cuộc	người/buổi	160	200	32.000	
-	Nước uống : 22 x 2 x 4	người/buổi	176	20	3.520	
	Photo, đóng quyển tài liệu: 22x4	bộ	88	30	2.640	
<b>5</b>	<b>Xây dựng 05 chuyên đề thành phần</b>				<b>102.165</b>	
+	Tc = Lcs x Hsten x Snc	ngày công	150	681	102.165	
	TVC 0,49x 1390 =681					
<b>6</b>	<b>Thuê chuyên gia độc lập đánh giá 5 chuyên đề (02 chuyên gia /chuyên đề)</b>				<b>100.000</b>	
+	Mức thuê CG độc lập = tối đa 5 lần tiền công ( tiền công hợp+tiền nhận xét đánh giá) của Chủ tịch HĐ tương ứng (1,5 triệu + 0,5 triệu )x5 =10 triệu	người	10	10.000	100.000	
<b>7</b>	<b>Chi phí công tổng hợp báo cáo chính</b>				<b>20.433</b>	
+	TVC 0,49x 1390 =681	ngày công	30	681	20.433,0	
<b>8</b>	<b>Chi phí khác (Văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, làm thêm giờ)</b>				<b>66.445</b>	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>900.000</b>	

Bảng chữ: Chín trăm triệu đồng chẵn.